

QUYẾT ĐỊNH
V/v Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước của tỉnh Đắk Lắk

CÔNG VĂN BẢN SỐ 33/2011/QĐ-UBND
Ngày 25 tháng 10 năm 2011

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;
Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ và Thông tư 12/2002/TT-BCA-A11 ngày 13/9/2002 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước;
Xét đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh, tại Tờ trình số 124/TTr-CAT ngày 30 tháng 9 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ Bí mật Nhà nước của tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Giám đốc Công an tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chế bảo vệ Bí mật Nhà nước của tỉnh.

Điều 3. Trưởng Ban chỉ đạo công tác Bảo vệ bí mật Nhà nước; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành đoàn thể, đơn vị vũ trang; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành. Những Quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ. /

Nơi nhận

- Văn phòng Chính phủ;
- Ban chỉ đạo Tây Nguyên;
- Vụ Pháp chế-Bộ Công an;
- Cục K.tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban chỉ đạo công tác BVBMNN tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành của tỉnh;
- UBND huyện, TX, TP;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Lưu VT, NC.

để
báo
cáo

để
giám
sát,
chỉ
đạo

để
thực
hiện

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Lữ Ngọc Cư

QUY CHẾ

Bảo vệ bí mật Nhà nước của tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành theo Quyết định số 33 /2011/QĐ-UBND
Ngày 21 / 10 / 2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc xác lập, quản lý, sử dụng, tiêu hủy bí mật Nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, công dân trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Khái niệm bí mật Nhà nước trong phạm vi tỉnh Đắk Lắk

1. Là những thông tin về vụ, việc, tư liệu, số liệu, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian có nội dung quan trọng thuộc các độ “Tuyệt mật; Tối mật; Mật” do Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định thực hiện trong phạm vi tỉnh Đắk Lắk mà chưa công bố hoặc không công bố.

2. Là những thông tin, tư liệu, số liệu, tài liệu, vật đã được xác định và đóng dấu các độ mật ở nơi khác gửi đến tỉnh Đắk Lắk.

3. Các thông tin, tư liệu, số liệu, tài liệu nếu để lộ sẽ gây nguy hại cho nhà nước về phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, lợi ích hợp pháp của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và của công dân.

Điều 3. Bảo vệ bí mật Nhà nước của tỉnh Đắk Lắk là nhiệm vụ quan trọng của cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, các đơn vị lực lượng vũ trang (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) và là nghĩa vụ, trách nhiệm của mọi cá nhân trong tỉnh.

Điều 4. Nghiêm cấm mọi hành vi làm lộ, thu thập, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép bí mật nhà nước; mọi hành vi lạm dụng bảo vệ bí mật Nhà nước để che dấu hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân hoặc làm cản trở việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Chương II

DANH MỤC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC PHẢI ĐƯỢC QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ

Điều 5. Danh mục bí mật Nhà nước độ “Tuyệt mật” do tỉnh Đắk Lắk quản lý, bảo vệ gồm:

1. Tài liệu đã xác định và đóng dấu độ “Tuyệt mật” do các cơ quan, ban ngành ở Trung ương và các địa phương khác gửi đến.

2. Danh mục bí mật Nhà nước độ “Tuyệt mật” đã được Thủ tướng Chính phủ Quyết định.

Điều 6. Danh mục bí mật Nhà nước độ “Tối mật” do tỉnh Đắk Lắk quản lý và bảo vệ gồm:

1. Tài liệu, tư liệu, số liệu đã được xác định và đóng dấu độ “Tối mật” do nơi khác gửi đến tỉnh.

2. Danh mục bí mật Nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ Quyết định độ “Tối mật”.

Điều 7. Danh mục bí mật Nhà nước độ “Mật” do tỉnh Đắk Lắk quản lý và bảo vệ gồm:

1. Tài liệu, số liệu đã được xác định độ “Mật” và đóng dấu độ “Mật”.

2. Danh mục bí mật Nhà nước độ “Mật” được Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

Điều 8. Khu vực, địa điểm thuộc phạm vi bí mật Nhà nước

Khu vực, địa điểm khi đã xác định thuộc phạm vi bí mật Nhà nước phải cắm biển cấm. Biển cấm gồm hai loại, quy định thống nhất như sau:

- Biển “*Khu vực cấm*” kích thước 80cm x 60cm, làm bằng vật liệu bền vững; chữ viết màu đen trên nền biển màu trắng; viết bằng hai hoặc ba thứ tiếng (tiếng Việt, tiếng Campuchia và tiếng Anh): dòng trên viết tiếng Việt, chiều cao hàng chữ là 20cm, dòng dưới viết tiếng Anh hoặc tiếng Campuchia, chiều cao hàng chữ là 10cm (*có mẫu kèm theo*).

- Biển “*Địa điểm cấm*” kích thước 40cm x 25cm, làm bằng vật liệu bền vững; chữ viết màu đen trên nền biển màu trắng; viết bằng hai thứ tiếng Việt và Anh: dòng trên viết tiếng Việt, chiều cao hàng chữ là 08cm, dòng dưới viết tiếng Anh, chiều cao hàng chữ là 06cm (*có mẫu kèm theo*).

Cơ quan, tổ chức, địa phương, quản lý khu vực, địa điểm cấm phải xây dựng nội dung quản lý khu vực, địa điểm cấm và tổ chức công tác bảo vệ đảm bảo yêu cầu bảo mật.

Điều 9. Hàng năm Ban bảo vệ bí mật Nhà nước tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung, thay đổi độ mật, giải mật danh mục bí mật nhà nước của tỉnh.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, TIÊU Hủy TÀI LIỆU, VẬT MANG BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Điều 10. Xác định và đóng dấu độ mật đối với từng tài liệu, hiện vật mang bí mật Nhà nước

1. Tài liệu, hiện vật mang bí mật Nhà nước tùy theo mức độ mật phải đóng dấu độ mật: “Tuyệt mật”, “Tối mật” hoặc “Mật.”

2. Khi soạn thảo văn bản có nội dung bí mật Nhà nước, người soạn thảo văn bản phải đề xuất mức độ mật từng tài liệu, người duyệt ký văn bản chịu trách nhiệm quyết định đóng dấu độ mật và phạm vi lưu hành tài liệu.

3. Đối với vật mang bí mật Nhà nước phải có văn bản ghi rõ tên của vật lưu kèm theo và đóng dấu độ mật vào văn bản này.

Mẫu con dấu các độ mật phải theo quy định của Thông tư 12/2002/TT-BCA ngày 13 tháng 9 năm 2002 của Bộ Công an.

Điều 11. In, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước

1. Việc soạn thảo, in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước thuộc danh mục các độ mật phải tuân theo quy định sau:

a) Người được giao nhiệm vụ soạn thảo, in, sao, chụp tài liệu phải tuân thủ các quy định của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước và các văn bản khác của Trung ương, địa phương ban hành quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Tổ chức soạn thảo, in, sao, chụp, ...ở nơi an toàn. Phải xác định được các độ mật của các tài liệu soạn thảo, in, sao, chụp.

c) Đánh máy, in, sao, chụp tài liệu mật xong phải đóng dấu độ mật, dấu thu hồi (nếu cần), đánh số trang, số bản, số lượng in, phạm vi lưu hành, nơi nhận, tên người đánh máy, in, soát, sao chụp tài liệu.

d) Việc sao chụp các tài liệu có độ “Tuyệt mật”, “Tối mật” phải được sự đồng ý bằng văn bản của Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành của tỉnh (nơi ban hành tài liệu gốc).

đ) Tài liệu, hiện vật in sao, chụp phải được bảo mật như tài liệu, hiện vật gốc. Chỉ in, sao, chụp đúng số bản đã quy định. Sau khi in, sao, chụp xong phải kiểm tra lại và hủy ngay bản dư thừa và những bản in, sao, chụp hỏng.

e) Bộ phận văn thư, lưu trữ và người được giao xử lý tài liệu mật có trách nhiệm đóng dấu các độ mật đã được xác định, vào sổ công văn theo dõi, quản lý thu hồi theo quy định.

2. Bí mật Nhà nước sao, chụp ở dạng băng, đĩa phải được niêm phong và đóng dấu độ mật, ghi rõ tên người sao, chụp ở bì niêm phong.

Điều 12. Việc lưu hành, phổ biến, nghiên cứu các thông tin, số liệu, tài liệu, sự việc, sự kiện...thuộc danh mục các độ mật phải thực hiện đúng các nguyên tắc sau:

1. Đúng đối tượng, phạm vi cần được phổ biến hoặc nghiên cứu.

2. Tổ chức ở nơi bảo đảm bí mật, an toàn.

3. Chỉ được ghi chép, ghi âm, ghi hình khi được phép của thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật đó. Các băng ghi âm, ghi hình phải được quản lý, bảo vệ như tài liệu gốc.

Điều 13. Vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước

Tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước khi vận chuyển, giao nhận phải thực hiện theo quy định sau:

1. Vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước

Tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước khi vận chuyển phải được đựng trong bao bì chắc chắn bằng loại vật liệu phù hợp; khi cần thiết phải được niêm phong theo quy định; có phương tiện vận chuyển đảm bảo an toàn trong mọi tình huống; trường hợp xét thấy cần thiết thì phải bố trí người bảo vệ việc vận chuyển các tài liệu, vật đó.

2. Giao, nhận tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước

Mọi trường hợp giao nhận tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước giữa những người: Người dự thảo, văn thư, giao thông viên, người có trách nhiệm giải quyết, người lưu giữ, bảo quản...đều phải vào sổ, có ký nhận giữa bên giao và bên nhận.

a) Gửi tài liệu, hiện vật mang bí mật Nhà nước

Việc gửi tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước phải thực hiện theo các quy định sau:

- *Vào sổ*: Trước khi gửi tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước phải vào sổ "Tài liệu đi" để theo dõi. Sổ "Tài liệu đi" phải ghi đầy đủ các mục: Số thứ tự, độ mật, độ khẩn, người ký, ghi chú. Trường hợp gửi tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước độ "Tuyệt mật" thì cột trích yếu nội dung chỉ được ghi khi người có thẩm quyền đồng ý. Tài liệu gửi đi phải cho vào bì kín và chuyển đến văn thư để làm bì ngoài gửi đi.

- *Làm bì*: Tài liệu mang bí mật Nhà nước gửi đi phải làm bì riêng. Giấy làm bì phải dùng loại giấy dai, khó thấm nước, không nhìn thấu qua được; hồ dán phải dính, khó bóc.

Tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước mang độ "Mật" ngoài bì đóng dấu chữ "C" (*con dấu chữ "C" in hoa nét đậm, nằm trong đường viền tròn, đường kính 1.5cm*)

Tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước độ "Tối mật" ngoài bì đóng dấu chữ "B" (*con dấu chữ "B" in hoa nét đậm, nằm trong đường viền tròn, đường kính 1.5cm*)

Tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước độ "Tuyệt mật" gửi bằng hai bì:

+ Bì trong: Ghi rõ số, ký hiệu của tài liệu, tên người nhận, đóng dấu "Tuyệt mật". Nếu là tài liệu, vật gửi đích danh người có trách nhiệm giải quyết thì đóng dấu "Chỉ người có tên mới được bóc bì".

+ Bì ngoài: Ghi như gửi tài liệu thường, đóng dấu ký hiệu chữ "A" (*con dấu chữ "A" in hoa nét đậm, nằm trong đường viền tròn, đường kính 1.5cm*).

b) Nhận tài liệu, hiện vật mang bí mật Nhà nước

- Mọi tài liệu, hiện vật mang bí mật Nhà nước gửi đến từ các nguồn đều phải qua văn thư vào sổ "Tài liệu mật đến" để theo dõi và chuyển đến người có trách nhiệm giải quyết.

- Trường hợp tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước đến mà bì trong có dấu "Chỉ người có tên mới được bóc bì" thì văn thư vào sổ sổ tài liệu ghi ngoài bì và chuyển ngay đến người có tên trên bì. Nếu người có tên ghi trên bì đi vắng thì chuyển đến người có trách nhiệm giải quyết. Văn thư không được bóc bì.

- Trường hợp thấy tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước gửi đến mà nơi gửi không thực hiện đúng thủ tục bảo mật thì chuyển đến người có trách nhiệm giải quyết, đồng thời thông tin lại nơi gửi để rút kinh nghiệm. Nếu phát hiện tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước gửi đến có dấu hiệu bị bóc, mở bao bì, lộ lọt bí mật nhà nước hoặc tài liệu, vật bị tráo đổi, mất, hư hỏng... thì người nhận phải báo cáo ngay với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị để có biện pháp xử lý kịp thời.

c) Thu hồi tài liệu mang bí mật Nhà nước

Những tài liệu có đóng dấu "Tài liệu thu hồi", văn thư phải theo dõi, thu hồi hoặc trả lại nơi gửi đúng thời hạn. Khi nhận cũng như khi trả phải kiểm tra, đối chiếu bảo đảm tài liệu không bị thất lạc.

3. Cán bộ đi công tác chỉ được mang những tài liệu, vật thuộc phạm vi bí mật Nhà nước có liên quan đến nhiệm vụ được giao; phải được lãnh đạo trực tiếp duyệt và đăng ký với bộ phận bảo mật; phải có kế hoạch bảo vệ tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước trong thời gian mang đi công tác; khi hoàn thành nhiệm vụ phải cùng bộ phận bảo mật kiểm tra và nộp lại cơ quan.

Điều 14. Thống kê, thu hồi, cất giữ, bảo quản tài liệu, mẫu vật đã được xác định các độ mật

1. Các cơ quan, tổ chức, địa phương lưu giữ bí mật Nhà nước phải thống kê tài liệu, vật thuộc phạm vi bí mật nhà nước của tỉnh theo trình tự thời gian và từng độ mật.

2. Tài liệu, vật thuộc phạm vi bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật phải được lưu giữ riêng, có phương tiện bảo quản, bảo vệ bảo đảm an toàn. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật Nhà nước phải thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo việc thống kê, cất giữ, bảo quản bí mật Nhà nước trong phạm vi quyền hạn của mình.

Điều 15. Tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước

1. Việc tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước thuộc độ "Tuyệt mật", "Tối mật" và "Mật" ở các cơ quan, tổ chức trong tỉnh do Giám đốc Sở (hoặc tương đương) quyết định (đối với mật mã thực hiện theo quy định của Ban Cơ yếu Chính phủ).

2. Trong quá trình tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước phải bảo đảm yêu cầu không để lộ, lọt bí mật nhà nước. Tiêu hủy vật thuộc phạm vi bí

mật Nhà nước phải làm thay đổi hình dạng và tính năng, tác dụng. Tiêu hủy tài liệu phải đốt, xén, nghiền nhỏ đảm bảo không thể phục hồi được.

3. Trong trường hợp đặc biệt không có điều kiện tổ chức tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước theo các quy định trên, nếu tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước không được tiêu hủy ngay sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho an ninh, quốc phòng hoặc các lợi ích khác của nhà nước thì người đang quản lý tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước đó được quyền tự tiêu hủy nhưng ngay sau đó phải báo cáo bằng văn bản với người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cơ quan Công an cùng cấp. Nếu việc tự tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước không có lý do chính đáng thì người tự tiêu hủy phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thanh lý, tiêu hủy trong các trường hợp:

- a) Theo đề nghị của cơ quan ban hành tài liệu gốc;
- b) Hết giá trị sử dụng (giá trị mật), hết thời hạn;
- c) Có quyết định thanh lý, tiêu hủy của người có thẩm quyền;

Phải có Hội đồng và biên bản thanh lý, tiêu hủy tại bộ phận bảo mật.

Điều 16. Bảo vệ bí mật thông tin liên lạc: khi gửi tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước đi bằng đường bưu điện phải thực hiện việc đóng gói, niêm phong theo đúng quy định. Nếu truyền tài liệu bằng đường viễn thông, mạng máy tính phải được mã hóa theo quy định của Pháp lệnh về cơ yếu.

Điều 17. Bảo vệ bí mật nhà nước trong hoạt động xuất bản, báo chí và thông tin đại chúng khác

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân không được cung cấp thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước cho cơ quan báo chí.

2. Người đứng đầu cơ quan xuất bản, báo chí và nhà báo phải chấp hành quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước theo Luật Báo chí và các văn bản pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 18. Cung cấp thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam

1. Người được giao nhiệm vụ tìm hiểu, thu thập thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước phải có giấy chứng minh nhân dân kèm theo giấy giới thiệu của cơ quan ghi rõ nội dung, yêu cầu tìm hiểu, thu thập và phải được cấp có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức lưu giữ bí mật đồng ý.

2. Các cơ quan, tổ chức lưu giữ bí mật Nhà nước khi cung cấp thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt nam phải được cấp có thẩm quyền duyệt theo quy định sau:

a) Bí mật Nhà nước độ “Tuyệt mật” và “Tối mật” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt.

b) Bí mật Nhà nước độ “Mật” do Giám đốc Sở (hoặc tương đương) duyệt.

Điều 19. Bảo vệ bí mật Nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc, làm việc với tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam quan hệ, tiếp xúc với tổ chức, cá nhân nước ngoài không được tiết lộ bí mật Nhà nước.

2. Khi tiến hành chương trình hợp tác quốc tế hoặc thi hành công vụ nếu có yêu cầu phải cung cấp những tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải tuân thủ theo nguyên tắc:

a) Bảo vệ lợi ích Quốc gia.

b) Chỉ cung cấp những tin được các cấp có thẩm quyền duyệt theo quy định sau:

+ Bí mật Nhà nước thuộc độ “Tuyệt mật” do Thủ tướng Chính phủ duyệt;

+ Bí mật Nhà nước thuộc độ “Tối mật” do Bộ trưởng Bộ Công an duyệt, riêng trong lĩnh vực quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng duyệt;

+ Bí mật Nhà nước thuộc độ “Mật” do Chủ tịch UBND tỉnh hoặc người được ủy quyền duyệt.

c) Yêu cầu bên nhận tin sử dụng đúng mục đích thỏa thuận và không được tiết lộ cho bên thứ ba.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÔNG DÂN VỀ BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Điều 20. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh và UBND tỉnh

1. Văn phòng UBND tỉnh, giúp UBND tỉnh lập danh mục bí mật Nhà nước của tỉnh trên cơ sở đề xuất của các Sở, Ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

2. UBND tỉnh quyết định kinh phí và bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.

3. UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 21. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Công an chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Trình UBND tỉnh dự thảo các văn bản liên quan đến công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh lập danh mục bí mật Nhà nước và thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Công an.

3. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ bí mật Nhà nước.

4. Giúp UBND tỉnh sơ kết, tổng kết công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 22. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật Nhà nước tỉnh.

1. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, UBND các huyện, thị xã, thành phố lập danh mục bí mật Nhà nước thuộc độ “Tuyệt mật”, “Tối mật”, “Mật” và vật mang bí mật Nhà nước theo quy định của Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Thẩm định việc lập, thay đổi độ mật, giải mật đối với bí mật Nhà nước thuộc các độ mật khi đã hết thời hiệu trình cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Ban hành văn bản hướng dẫn và chỉ đạo việc thực hiện Quy chế Bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định của Chính phủ, Bộ Công an.

4. Tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công chức và nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 23. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định của Quy chế này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện nội quy bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

3. Lập danh mục, thay đổi độ mật, giải mật bí mật Nhà nước gửi cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Bố trí cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

5. Tuyên truyền, giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao trách nhiệm, cảnh giác và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

6. Thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước vào quý IV hàng năm theo quy định.

7. Vào quý IV hàng năm, xem xét đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, giải mật danh mục bí mật Nhà nước trong phạm vi mình quản lý thuộc các độ mật gửi thường trực Ban chỉ đạo công tác Bảo vệ bí mật Nhà nước tỉnh (thông qua Phòng PA83-Công an tỉnh) để trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 24. Cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước và tiêu chuẩn cán bộ làm công tác liên quan trực tiếp đến bí mật Nhà nước

1. Cán bộ làm công tác liên quan trực tiếp đến bí mật Nhà nước (người làm công tác cơ yếu, giao liên, người được giao nhiệm vụ bảo quản, lưu giữ bí mật Nhà nước) phải có phẩm chất tốt, có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức cảnh giác giữ gìn bí mật Nhà nước; có trình độ chuyên môn,

nghịệp vụ và năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao và phải cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước bằng văn bản; văn bản cam kết nộp cho bộ phận bảo mật của cơ quan, tổ chức lưu giữ.

2. Những người được giao nhiệm vụ tiếp xúc với bí mật Nhà nước dưới mọi hình thức phải thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 25. Xây dựng Quy chế Bảo vệ bí mật Nhà nước

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và UBND các huyện, thị xã, thành phố phải xây dựng Nội quy bảo vệ bí mật Nhà nước ở cơ quan, tổ chức, địa phương mình; nội dung của nội quy bảo vệ bí mật Nhà nước phải căn cứ vào yêu cầu bảo mật ở cơ quan, tổ chức, địa phương và phù hợp với Quy chế Bảo vệ bí mật Nhà nước của tỉnh và các văn bản pháp luật khác.

Điều 26. Thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật Nhà nước

1. Thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật Nhà nước được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất đối với từng vụ, việc hoặc đối với từng cá nhân, từng khâu công tác, từng cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

2. Công an tỉnh có nhiệm vụ tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật Nhà nước định kỳ hoặc đột xuất đối với các cơ quan, tổ chức và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Việc kiểm tra định kỳ ít nhất 01 năm một lần.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật Nhà nước định kỳ hoặc đột xuất đối với từng đơn vị trong phạm vi quản lý của mình. Việc kiểm tra định kỳ phải được tiến hành ít nhất 01 năm một lần.

4. Thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật Nhà nước phải đánh giá đúng những ưu điểm, khuyết điểm; phát hiện những thiếu sót, sơ hở và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Sau mỗi lần thanh tra, kiểm tra phải báo cáo cơ quan chủ quản cấp trên, đồng gửi Công an tỉnh để theo dõi.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Khen thưởng: Cơ quan, tổ chức và công dân có thành tích trong công tác bảo vệ bí mật Nhà nước thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật. Cụ thể trong các trường hợp sau:

1. Phát hiện, tố giác kịp thời hành vi thu thập, làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép bí mật Nhà nước.

2. Khắc phục mọi khó khăn, nguy hiểm bảo vệ an toàn bí mật Nhà nước.

3. Tìm được tài liệu, vật thuộc bí mật nhà nước bị mất; ngăn chặn hoặc hạn chế được hậu quả do việc làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép bí mật Nhà nước do người khác gây ra.

4. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ bí mật Nhà nước theo chức trách được giao.

Điều 28. Xử lý vi phạm: Tổ chức và cá nhân nào vi phạm các quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Từng cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ Quy chế này xây dựng Nội quy bảo vệ bí mật Nhà nước và có biện pháp cụ thể của đơn vị mình triển khai công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 30. Công an tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Lữ Ngọc Cư